

PHẨM THÁNH-HÀNH THỨ 192

Có hai hành: không-hành và vô-ngã-hành. Đối với trong ngũ-âm chẳng thấy chúng-sinh gọi là không hành; thấy ngũ-âm cũng không có là vô-ngã-hành. Tại sao biết được? Trong kinh nói: “Thấy sắc không có thể tính, thấy thọ-tưởng-hành-thức không thể tính”. Lại trong kinh nói: “Bởi vô-tính nên được giải thoát”. Nên biết sắc-tính chẳng phải chân-thật có. Thọ-tưởng-hành-thức tính cũng chẳng phải chân thật có. Lại trong kinh nói: “Ngũ-âm đều trông không như huyền, chẳng thể nói huyền là chân thật”. Huyền, nếu chân-thật có chẳng gọi là huyền; nhưng cũng chẳng thể nói không, mà chỉ vì không thật năng làm dối gạt. Lại hành-giả này quán tất cả trông-không. Nên biết ngũ-âm chẳng phải chân thật có, như phá một tướng nên chẳng thấy vách thấy một pháp. Ngũ-âm cũng vậy, không có một thật pháp.

Hỏi: Nếu sắc thấy pháp cũng chẳng chân-thật, nay nên chỉ có một thể đế?

Đáp: Diệt là đệ-nhất-nghĩa-đế nên cần có. Như trong kinh nói: “Vọng là luống dối, Đế là như thật”. Diệt tức là như-thật quyết định, nên gọi đệ-nhất-nghĩa có. Lại hành-giả sinh chân-thật-trí, tất cả hữu vi thấy đều luống-không. Nên biết Diệt là đệ-nhất-nghĩa có.

Hỏi: Ông nói thấy trong ngũ-âm không có chúng-sinh. Bởi đâu mà ngũ-âm gọi chúng-sinh, là hữu lậu hay vô-lậu?

Đáp: Cũng hữu-lậu mà cũng vô-lậu.

Hỏi: Trong kinh nói: “Nếu thấy chúng-sinh đều là thấy năm thọ ấm”?

Đáp: Vô-lậu pháp cũng ở trong chúng-sinh số, chứ chẳng phải ở trong phi chúng-sinh số là gỗ đá thấy. Nên biết cũng nhân các ấm vô-lậu gọi là chúng-sinh. Lại nếu Thánh nhân ở tâm vô-lậu, bấy giờ cũng gọi hữu tâm chúng-sinh. Nên vô-lậu tâm cũng gọi chúng-sinh. Tất cả các ấm đều gọi thọ ấm vì đều từ thọ mà sinh vậy.

Hỏi: Tại đâu mà biết từ thọ sinh?

Đáp: Vô-lậu pháp đều từ bố thí, trì giới tu Định thấy trong nghiệp tâm mà sinh, nếu không thời chẳng sinh. Như kinh nói: “Vì bị vô-minh che khuất và gút ái buộc chặt, nên đưa ngu được thân này mà kẻ Trí cũng như vậy.” Tâm tức thọ ấm.

Hỏi: Nếu tất cả ấm đều gọi thọ ấm, thì hữu-lậu và vô-lậu tâm đâu có sai khác?

Đáp: Tất cả ấm từ thọ mà sinh nên gọi thọ ấm. Nhưng chẳng thọ thân đời sau nên gọi là vô-lậu, sai khác ở đó. Ấm và thọ mà sinh nên gọi thọ ấm. Vậy nên kinh này chẳng trái nghịch nhau. Hai hành này đều duyên vô sở-hữu. Nếu sắc thấy pháp không và thể tính diệt, đều là vô sở-hữu.

Hỏi: Hai hành này đều duyên ngũ-âm. Trong kinh nói: Thấy sắc trông không vô-ngã thấy thọ-tưởng-hành-thức không vô-ngã”. Thì sao?

Đáp: Nhân các ấm mới thấy trông không không vô-ngã. Tại vì sao? Vì với nhân-duyên sinh mới có thấy chúng-sinh không, cũng thấy sắc thấy pháp diệt.

Hỏi: Đây là đều duyên cả. Nếu hành-giả nghĩ các ấm và không tức là duyên ấm và vô sở hữu?

Đáp: Hành-giả với trong nhân-duyên chúng-sinh chẳng thấy chúng-sinh, nên liền sinh không tâm, nhiên hậu mới thấy trông không. Lại với trong ngũ-âm diệt chẳng thấy sắc thể tính, thọ-tưởng-hành-thức thể tính. Cho nên mới biết hai hành này đều duyên vô sở hữu.

Đáp: Nhẫn tức là trí Tại vì sao? Vì dục-lạc-nhẫn đều là một nghĩa: Hành-giả trước biết khổ rồi nhiên hậu nhẫn vui; nếu trước chẳng biết làm sao nhẫn vui được! Lại trong lời nói thiếu chỉ nói quán nhẫn mà chẳng nói trí. Vậy thời kẻ thọ hành quả là vô-trí? Nếu ý người bảo hành-giả có trí mà gọi là nhẫn, thì đây lẽ ra thọ nhẫn cũng là trí. Lại trong kinh nói: “Hành-giả khi biết thấy liền được hết lậu”. Lại nói: biết-thấy-được là một nghĩa. Lại Phật nói Khổ-trí, Tập, Diệt, Đạo trí mà chẳng nói có nhẫn. Nên biết trí tức là nhẫn. Lại trong Phật giải nghĩa trí nói vì như-thật-biết nên gọi là trí. Nhẫn cũng như-thật-biết nên chẳng có khác. Nếu người cho vị-tri-căn nên gọi là nhẫn ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Vì chúng tôi chẳng nói trước nhẫn sau trí; với trong một tâm tức gọi nhẫn-trí. Kinh ấy nghĩa chẳng thành, làm sao người đem chẳng-thành mà thành-lập được? Người nói nhẫn gọi chưa xong. Tôi trước đã đáp nghĩa là trước biết sau nhẫn. Nên phải biết nhẫn tức là xong. Nếu chẳng biết xong làm sao năng nhẫn. Người nói khi nhẫn chưa quyết liễu. Trong pháp người dùng nhẫn dứt gút; nếu nó chẳng quyết liễu sao năng dứt được? Người nói khi nhẫn nghi ngờ còn bám theo. Nếu vậy thì Đế-Đạo đều có nghi bám theo? Trong ấy trí sinh lẽ đều chẳng phải trí? Lại không có phân biệt là nhẫn là trí. Như người đời quán tùy thuận tứ-đế cũng gọi là nhẫn cũng gọi là trí. Vô-lậu nhẫn-trí cũng cần như vậy.

Hỏi: Tâm-trí vô-sinh-trí chỉ là trí, chứ phi kiến?

Đáp: Vì lý do nào?

Hỏi: Trong kinh riêng nói chính-kiến chẳng gọi chính-trí, Nên trí phi kiến.

Đáp: Nếu vậy thời chính-kiến chẳng gọi chính-trí. Nếu người bảo chính-kiến là chính-trí, thì chính-trí cũng phải là chính-kiến. Lại ngũ-phận-pháp-thân do trong huệ-phẩm riêng nói giải thoát tri-kiến lẽ chẳng phải huệ? Vậy thời tận-trí vô-sinh-trí cũng chẳng là huệ. Nay tức chính-kiến, vì tướng khác nên nói là chính-trí nghĩa là hết tất cả phiền-não, với trong tâm A-La-Hán mà sinh nên mới nói là chính-trí.

Hỏi: Nếu chính-trí tức là chính-kiến thời A-La-Hán chẳng gọi thập-phần thành-tựu?

Đáp: Thế là một mà tên là khác, như pháp-trí khổ-trí. Lại nói A-La-Hán gọi thành tựu tám công-đức phước-điền. Vậy nên chính-trí tức là chính-kiến. Lại trong sáu pháp hòa-kính, hòa kính thứ sáu nói là đồng-kiến. Nếu như người nói thời tận-vô-sinh-trí chẳng gọi hòa-kính. Lại chính-quán nên gọi chính-kiến; tận-vô-sinh-trí vì chính-quán nên cũng gọi chính-kiến.

Hỏi: Năm thức tương-ung huệ chỉ trí phi-kiến?

Đáp: Vì sao phi-kiến?

Hỏi: Năm thức đều không có phân biệt, vì ban đầu tại cảnh duyên nên thấy gọi là suy nghĩ quan-sát. Lại năm thức chỉ duyên hiện tại. Vậy nên phi-kiến?

Đáp: Trong ấy không giác quán nên chẳng năng phân biệt. Nếu nói ban đầu tại cảnh duyên nên phi kiến, việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì pháp người nhận thức có duyên tương-tục như ý-thức vậy. Chẳng nên nói ban đầu tại duyên. Nếu vậy ý-thức chẳng nên có thấy. Người lại nói duyên hiện tại nên phi kiến. Cũng chẳng phải lẽ. Vì tha-tâm-trí cũng duyên hiện tại, đây lẽ cũng phi kiến? Trong năm thức không chân-thật-trí, vì không hành vậy; cũng thường theo giả danh, nên kiến-trí-huệ thấy tất cả đều không có, huông là không kiến.

Hỏi: Có người nói nhân-căn gọi kiến. Việc ấy thế nào?

Đáp: Nhân-căn chẳng thấy, nhân-thức năng duyên ngôn thuyết thế-tục nên gọi mắt thấy.

Hỏi: Có người nói tám món kiến là: năm tà-kiến, thế-gian chính-kiến, học-kiến và vô học-kiến. Trừ tám kiến ấy bao nhiêu huệ chẳng gọi là kiến. Việc này thế nào?

Đáp: Như kiến, trí đặc, giải, liễu, thông và chứng đều là một nghĩa. Nếu nói đây khiến đây phi-kiến đều là tự nhớ tướng phân-biệt mà nói.

Hỏi: Nếu trí mới phá giả-danh gọi là trí; vào pháp vị rồi thời gọi là kiến. Mới quán gọi là trí, đạt liễu gọi kiến, có những pháp sâu cạn sai khác như vậy.

PHẨM TAM TUỆ THỨ 194

Tam-huệ: huệ nghe, hệ nghĩ và huệ tu. Do trong kinh thầy mười hai bộ mà sinh gọi là huệ nghe; vì nhờ đầy năng sinh vô-lậu thành-huệ nên gọi là huệ. Như trong kinh nói: “Tỳ-kheo La-Hầu-La nay mới được thành-tựu huệ giải-thoát”. Tuy nghi Vi-đà thầy các kinh điền thế-tục mà chẳng hay sinh vô-lậu-huệ nên chẳng gọi huệ nghe. Nếu năng nghĩ lường nghĩa trong các kinh gọi là huệ nghĩ; như nói: hành-giả nghe Pháp rồi suy nghĩ nghĩa-thú. Lại nói: hành-giả nghe pháp suy nghĩ rồi phải tùy thuận mà tu, hoặc năng hiện tiền biết thấy gọi là huệ tu; như nói: hành-giả ở trong Định tâm thấy ngũ-âm sinh diệt. Như trong kinh nói: Tỳ-kheo các người! Tu tập thiền-định sẽ được như thật hiện tiền biết thấy. Lại trong kinh Thất-chính-trí nói: “nếu Tỳ-kheo biết pháp gọi huệ nghe; biết nghĩa gọi huệ nghĩ; biết thời giờ thầy gọi huệ tu. Lại như La-Hầu-La đọc-tụng bộ ngũ-thọ-âm gọi huệ nghe; riêng chỗ nghĩ nghĩa gọi huệ nghĩ, sau khi đắc Đạo gọi huệ tu. Lại trong kinh nói ba món đồ gây: gây nghe, gây lìa và gây huệ. Gây nghe gọi là huệ nghe; gây lìa gọi là huệ nghĩ, gây huệ gọi huệ tu. Lại trong kinh nói nghe pháp có năm lợi: “chưa nghe thời nghe, nghe rồi rõ ràng, dứt nghi chính-kiến, dùng huệ thông-đạt nghĩa-thú thăm sâu”. Chưa nghe thời nghe nghe rồi rõ ràng gọi huệ nghe; dứt nghi chính-kiến là gọi huệ nghĩ; dùng huệ thông-đạt nghĩa-thú thăm sâu là gọi huệ tu. Lại trong Văn-pháp-lợi nói: “Hành-giả đem tai nghe Pháp, đem miệng tụng tập là gọi huệ nghe; đem ý nghĩ lường là gọi huệ nghĩ; đem thấy thông-đạt là gọi huệ tu”. Lại trong bốn phần Tu-Đà-Hoàn nghe chính pháp là gọi huệ nghe; chính nhớ nghĩa gọi huệ nghĩ; tu theo pháp là gọi huệ tu. Lại trong năm giải-thoát môn: Theo kẻ Tôn-trưởng nghe pháp là gọi huệ nghe thông đạt ngữ nghĩa là gọi huệ nghĩ; sinh vui mừng thầy là gọi huệ tu. Lại trong kinh nói: “Pháp Phật đã nói ra ba thời lành thầy. Thiệt nam tử! hoặc kẻ trưởng hoặc người ấu nghe Pháp sinh nghĩ: tại-gia ồn-ào, xuất-gia vắng lặng. Nếu chẳng xuất-gia thời chẳng năng tịnh tu hiện pháp. Liền bỏ sở-hữu thân thuộc tài vật, xuất-gia trì-giới giữ hộ các căn; oai nghi đường hoàng. Riêng chỗ suy nghĩ, xa lìa năm món che, mới chứng được sơ-thiền thầy, cho đến hết lậu”. Trong ấy trường ấu nghe Pháp là gọi huệ nghe; nghĩ tại-gia ồn ào, xuất-gia vắng lặng là gọi huệ nghĩ; xa lìa năm món che cho đến hết lậu là gọi huệ tu.

Lại trong kinh nói: “Nhờ hai nhân-duyên mới năng sinh chính kiến: theo người nghe Pháp; tự chính nghĩ nhớ.” Theo người nghe pháp là huệ nghe; tự chính nghĩ nhớ là huệ nghĩ; năng sinh chính kiến là huệ tu. Lại bài kệ nói: quen gần người lành, nghe lãnh chính-Pháp, vui ở chỗ riêng, uồn đẹp tự tâm. Trong ấy quen

gần người lành, nghe lãnh chính-Pháp là gọi huệ nghe; vui ở chỗ riêng là gọi huệ nghĩ, uốn đẹp tự tâm là gọi huệ tu. Lại Phật dạy các Tỳ-kheo: “Các người! Mỗi khi nói năng phải nói tứ-đế; mỗi khi suy nghĩ nên nghĩ tứ-đế”. Trong đây nếu nói tứ-đế thì huệ nghe; suy nghĩ tứ-đế là huệ nghĩ; được tứ-đế là huệ tu. Như vậy thấy nhiều chỗ trong kinh Phật nói ba món huệ.

Hỏi: Ba huệ này mấy cõi Dục, mấy cõi Sắc và mấy cõi Vô-sắc?

Đáp: Hai cõi Dục Sắc có tất cả. Như ông Thủ cư-sĩ sinh về cõi trời vô nhiệt, nói Pháp trong ấy. Nếu người nói Pháp phải nghĩ nghĩa. Nên biết cõi Sắc cũng có huệ nghĩ. Trong cõi Vô-sắc chỉ có huệ-tu.

Hỏi: Có người nói cõi Dục không huệ tu, cõi Sắc không huệ nghĩ. Việc này thế nào?

Đáp: Vì lý do nào mà cõi dục không huệ tu?

Hỏi: Vì Đạo cõi Dục chẳng năng dứt các che, ngăn các buộc, vì món khiến món buộc cõi Dục chẳng hiện tại tiền.

Đáp: Trong Phật-Pháp không có lời nói này: Vì đạo cõi Dục chẳng năng dứt các che, ngăn các buộc, hai món khiến buộc cõi Dục chẳng hiện tại tiền. Mà lại nói vì Đạo cõi Dục năng phá phiền não. Tại vì sao? Vì cõi Dục có bất-tịnh quán thấy. Như trong kinh nói: “Khéo tu bất-tịnh quán năng phá tham dục”. Lòng Từ thấy cũng như vậy.

Hỏi: Cõi Dục này bất tịnh quán chẳng hay dứt hẳn phiền não?

Đáp: Bất-tịnh quán thấy cõi Sắc cũng chẳng năng dứt các phiền não rốt-ráo.

Hỏi: Dùng thô trọng chẳng điều thích thấy các hành năng dứt phiền não chứ chẳng phải bất-tịnh thấy?

Đáp: Không có kinh nào nói thô thấy năng dứt phiền não mà bất-tịnh thấy bất năng? Mà trong kinh nói dùng quán bất-tịnh thấy năng dứt phiền não. Lại thô thấy có thể lực gì năng dứt phiền não mà bất-tịnh thấy bất năng? Lại nếu cõi Dục có thô thấy hành nếu dùng hành ấy để dứt các phiền não; nếu không, phải nói lý do? Vì sao có bất-tịnh thấy mà không thô thấy? Nếu có mà chẳng dứt phiền não? Cõi Sắc tuy có cũng chẳng thể năng dứt ấy cũng nên nói lý-do? Vì sao cõi Dục chẳng năng mà cõi Sắc lại năng?

Hỏi: Cõi Dục tuy có thô thấy mà chẳng năng dứt các phiền não là vì cõi tán-loạn vậy. Kể tán-loạn-tâm không thể năng dứt như trong kinh nói nhiếp-tâm là Đạo, tán-tâm phi Đạo?

Đáp: Cần nói lý do vì sao cõi Dục gọi cõi tán-loạn? Trong ấy có bất-tịnh quán thấy, nếu là cõi tán-loạn làm sao năng quán cốt thấy các tướng biến khác. Lại cõi Sắc nhiếp-tâm có tướng gì khác mà cõi Dục không có?

Hỏi: Vì Đạo cõi Sắc năng được ly-dục. Ở trong đây chết sinh về cõi Sắc như lấy cái nệm để tháo nệm?

Đáp: Sao gọi ly-dục?

Hỏi: Dứt phiền não gọi ly-dục. Vì Đạo cõi Sắc năng dứt phiền não chứ chẳng phải cõi Dục.

Đáp: Các ngoại-đạo dứt gút rồi, rồi khởi lại sinh về cõi Dục. Vậy nên phàm phu chẳng gọi dứt gút tức là dứt phiền não. Nếu dứt rồi lại sinh thời dứt gút vô-lậu lẽ cũng sinh lại? Việc ấy chẳng thể được. Lại trong kinh nói ba gút rồi mới năng dứt ba món độc. Phàm phu chẳng nung dứt ba gút nên không được ly-dục. Lại phàm phu chẳng năng dứt ba gút nên không được ly-dục. Lại phàm phu thường có ngã-tâm thấy nên không có thể năng dứt thân kiến thấy. Nếu phàm phu năng ly-dục ấy, tất cả phiền não lẽ đều chẳng có. Tại vì sao? Vì tất cả phiền não đều do nhiều duyên mà thành, như trong kinh nói do nhiều duyên thành ngã. Nếu phàm phu này đối với ngũ-âm cõi Dục chẳng khởi thân-kiến mà lại chưa được các âm cõi trên, vậy thời lẽ chẳng phải không có thân-kiến? Có những lỗi như thế. Như vậy phiền não phải cần dứt hẳn hết; phàm phu này lẽ là La-Hán? Mà thật phiền não chẳng được dứt hết. Như trong kinh nói: “Nghe tiếng sấm lớn hai hạng người chẳng sợ: Chuyển-luân Thánh-Vương và A-La-Hán”. Nay phàm phu này lẽ cũng chẳng sợ?

Lại A-La-Hán sống chẳng mừng, chết chẳng sợ, như A-La-Hán Ưu-Ba-Tư-Na bị phải rắn cắn, khi mạng sắp chung các căn chẳng đổi khác nhau sắc chẳng biến. Người này lẽ cũng như vậy? Lại A-La-Hán, tám pháp của thế-gian chẳng năng che tâm. Người này lẽ cũng như vậy, vì đã ly dục. Mà thật phàm phu tuy nói ly-dục đều không các tướng này. Nên biết chẳng dứt phiền não.

Hỏi: Phàm phu năng dứt phiền não, vì mạng chung nơi đây vãng-sinh cõi Sắc, nếu chẳng dứt làm sao sinh kia được? Trong kinh cũng nói có ngoại-đạo ly-dục. Lại nói A-La-La-La-La-Ma Uất-Đầu-Lam-Phát bỏ lìa cõi Dục cõi Sắc sinh về cõi Vô-sắc. Lại nói dùng Sắc lìa dục, dùng vô-sắc lìa Sắc, dùng Diệt lìa khởi nghĩa nghĩ-niệm. Vậy nên ông nói phàm phu tuy dứt phiền não mà sinh trở lại nên chẳng gọi là dứt. Việc ấy chẳng phải lẽ. Ông cũng nói phàm phu có dứt bao nhiêu đều thật là ngăn, chỉ gọi là dứt lìa, kỳ thật chẳng dứt thôi. Thật chẳng ly-dục nói gọi ly-dục. Như trong kệ nói: Nếu nghĩ ngã, ngã-sở, chết đến mới năng dứt; trẻ nít chơi giỡn đất, khi còn yêu tham giữ; nếu khi lòng chán đã, liền phá mà bỏ đi. Đây cũng gọi ly-dục.

Nhưng ngoại đạo dứt cùng chết dứt có khác: Chết dứt chẳng sinh cõi Sắc, vô-sắc; trẻ nít bỏ đất tuy là cúng-dường nhưng không quả-báo lớn. Lời nói tuy đồng nghĩa mà nghĩa thời khác. Vậy nên biết phàm phu thật có đoạn-ly?

Đáp: Trong pháp ngăn chặn có sai khác. Nếu năng ngăn phiền não sâu thời sinh hai cõi Sắc, vô-sắc. Lại nếu năng ngăn thân-kiến như trước đã nói lỗi; nếu chẳng năng ngăn thân-kiến cõi Dục làm sao năng sinh cõi Sắc, vô-sắc. Chỉ năng ngăn tham giận nên sinh cõi Sắc. Chẳng năng thân-kiến thấy. Nên biết phàm phu thật chẳng năng dứt gút. Cõi Dục cũng có pháp lành năng ngăn phiền não, nên biết cõi Dục cũng có tu huệ. Lại trong kinh nói trừ bảy chỗ nương cũng hứa cho Đắc-Đạo. Nên biết nương Định cõi Dục năng sinh chân-trí.

Hỏi: Người này nương sơ-thiền cận địa được A-La-Hán chẳng phải Định cõi Dục?

Đáp: Chẳng phải. Nói trừ bảy chỗ nương là trừ cả sơ-thiền và cận địa rồi. Lại trong ấy không có nhân-duyên năng nương cận địa mà chẳng phải Định cõi Dục. Nếu hành-giả ấy năng vào cận-địa tại sao chẳng năng vào sơ-thiền ư? Việc này cũng không lý-do. Lại trong kinh Tu-Thi-Ma nói: “trước pháp trụ-ttrí, sau Nê-Hoàn-trí”. Nghĩa này bắt tất trước được thiền-định mà sau mới hết lậu, chỉ quyết dùng pháp-trụ-ttrí làm đầu, nhiên hậu hết lậu. Nên biết trừ các thiền-định. Trừ các thiền-định nên mới nói kinh Tu-Thi-Ma. Nếu thọ cận-địa, tức lỗi đồng các thiền. Lại không có kinh nào nói tên cận địa. Đấy người tự nhớ tưởng phân-biệt mà thôi.

Hỏi: Trước tôi nói dụ cái nệm. Nên biết lấy Đạo bọc khác năng dứt gút bọc khác, như lấy nệm nhỏ năng tháo nệm lớn. Như vậy lấy Đạo cõi Sắc năng dứt cõi Dục. Hành-giả, nếu trước dứt Dục và pháp ác bất thiện, nhiên hậu năng vào sơ-thiền. Nên biết chắc có cận địa lấy Định dứt Dục. Lại nói nhân sắc lia dục. Nếu không cận địa làm sao nhân sắc. Lại trong kinh nói: “Nếu hành-giả được vui tịnh thời năng bỏ vui bất tịnh”. In như Nan-Đà nhân được thiếu nữ yêu mới bỏ được vợ nhà. Lại nếu kẻ chẳng được sơ thiền tịch diệt vị thời với ngũ dục chẳng thể sinh tâm hèn tẻ. Vậy nên biết trước được sơ-thiền cận địa mới năng bỏ cõi Dục?

Đáp: Được tịnh thiện cõi Dục năng dứt bất thiện, như năm món xuất tính. Như Thánh đệ-tử hoặc niệm ngũ-dục mà chẳng sinh vui mừng, tâm chẳng thông hòa như đốt gân lông; nếu nghĩ xuất pháp là tâm thông suốt. Lại nói hành-giả tùy khi sinh Giáo quán bất thiện liền lấy thiện-giác-quán mà diệt. Vậy nên người nói dụ tháo nệm cũng có thể là cõi Dục. Người nói nhân sắc lia dục là việc sau cùng. Hành-giả dùng Đạo cõi Dục dứt các phiền não, tùy theo thứ lần dứt, cho đến năng được thiện pháp cõi Sắc, bấy giờ mới dứt cõi Dục rốt ráo được pháp cõi Sắc, người nói diệt-tận-định A-La-Hán cũng được các Định. Đó chỉ nói quả cuối cùng. Người nói được vui tịnh-diệu và tịch diệt vị đều đã đáp chung. Lại nếu cõi Dục không Định làm sao năng dùng tán tâm chứng được thiện cõi Sắc?

Hỏi: Huệ giải-thoát A-La-Hán không Định cũng chỉ có huệ?

Đáp: Trong ấy chỉ ngăn thiền-định; chắc phải có thời gian ngắn nhiếp tâm, cho đến một niệm. Như trong kinh Phật nói: “Tỳ-kheo khi lấy áo có ba độc, mặc rồi mới diệt”. Không có kinh nào nói trong tán loạn, tâm năng sinh chân trí, mà đều nói nhiếp tâm như-thật-trí.

PHẨM BỐN VÔ-NGẠI-TRÍ THỨ 195

Hỏi: Có thế-trí cận-pháp-vị, có phải vậy không?

Đáp: Đây là trí trong Noãn-Pháp thấy năng phá giả-danh. Trí này dùng thế-tục thấy Đê-ly nên gọi thế-trí; cận Thánh Đạo nên gọi cận-pháp-vị.

Hỏi: Trong thấy Đê-Đạo là trí tu vị-lai thấy?

Đáp: Không có trí tu vị-lai thấy ra sao sẽ nói tại vì sao? Vì trong pháp-tướng không có tâm giả-danh, vậy nên trong thấy Đê-Đạo chẳng tu thế-trí.

Hỏi: Trong kinh có bốn vô-ngại-trí, có phải vậy không?

Đáp: Như vô-ngại-trí trong danh-tự gọi là pháp-vô-ngại; vô-ngại-trí trong ngôn-âm gọi là từ-vô-ngại nghĩa là khác phương khác tục nên tiếng tăm và lời nói sai khác. Như trong kinh nói “Hành-giả chẳng nên tham đắm tiếng tăm của cõi nước”. Hoặc có lời tiếng nghĩa bất-tiện và khó hiểu. Nếu không có danh-tự thời nghĩa chẳng rõ được. Cứ nơi ngôn-từ này chẳng lưu-ngại chẳng cùng tận gọi là lạc-thuyết-vô-ngại. Như trong kinh nói: “Có bốn lỗi thuyết-pháp: Hoặc thuyết có nghĩa-thú mà không được vô-lậu; có được vô-lậu mà không nghĩa-thú; có được cả hai; có cả hai đều hỏng.” ba món này gọi là ngôn từ phương tiện. Trí vô-ngại biết nghĩa trong danh ngữ gọi là nghĩa vô-ngã. Như nói có bốn lỗi thuyết-pháp: Có nghĩa phương tiện không ngữ phương tiện; có ngữ phương tiện không nghĩa phương tiện; có đủ hai phương tiện; có cả hai đều không phương tiện. Nếu người năng được bốn vô-ngại-trí đây là đầy đủ phương tiện. Bực Trung Thượng Thuyết-pháp khó đáp lại khó gần lạc-thuyết vô-lậu, cũng có nghĩa-thú trí-huệ vô cùng ngôn từ không bị ngăn trệ.

Hỏi: Làm thế nào sẽ được vô-ngại-trí này?

Đáp: Nhờ nghiệp nhân-duyên đời trước nên được. Nếu có thể đời đời khéo tu nhân-duyên trí-huệ và phương tiện các âm, vì sức tu tập nên đời nay tuy chẳng học tập văn-tự, đọc tụng kinh điển nhưng cũng có thể được như thiên nhân thông thấy.

Hỏi: Hạnh người nào có thể được?

Đáp: Duy thánh-nhân năng được. Có người nói chỉ A-La-Hán được, chẳng phải kẻ học-nhân. Lời này bất tất vậy, học nhân cũng năng được tám món giải-thoát, tại sao chẳng năng được trí này?

Hỏi: Bốn vô-ngại này ở cõi nào?

Đáp: Hai cõi Dục Sắc có tất cả, trong cõi vô-sắc duy có nghĩa vô-ngại. Vô-ngại có hai thứ hữu-lậu và vô-lậu. Học-nhân đủ hai thứ, vô-học duy có vô-lậu. Nếu được thời nhất thời được hết. Nữ nhân được được. Như Tỳ-kheo-ni Đàm-Ma-Trần-Na vậy.

PHẨM NĂM TRÍ THỨ 196

Năm trí: Pháp-trụ-trí, Nê-Hoàn-trí, Vô tránh-trí, Nguyễn-trí và Biên-tế-trí. Biết các pháp sinh khởi gọi là pháp-trụ-trí, như sinh duyên lão tử cho đến vô-minh gọi là pháp-trụ-trí. Pháp này diệt gọi Nê-Hoàn-trí, như sinh diệt nên lão tử diệt cho đến vô-minh diệt nên các hành cũng diệt theo.

Hỏi: Nếu vậy là Nê-Hoàn-trí cũng gọi pháp-trụ-trí. Tại vì sao? Vì nếu có Phật hay không Phật tính này vẫn thường trụ vậy?

Đáp: Diệt hết các pháp gọi là Nê-Hoàn. Trong diệt hết ấy còn có pháp gì mà trụ được?

Hỏi: Nê-Hoàn chẳng phải thật có sao?

Đáp: Âm diệt không còn nên gọi Nê-Hoàn. Trong ấy còn có gì nữa?

Hỏi: Thật có Nê-Hoàn. Tại sao biết được? Diệt Đế gọi Nê-Hoàn. Khổ thấy các Đế thật có, nên Nê-Hoàn lẽ phải có thật. Lại trí trong Nê-Hoàn gọi diệt-trí. Nếu không có pháp làm sao sinh trí? Lại trong kinh Phật vì các Tỳ-kheo nói; “Có sinh khởi làm hữu-vi pháp, có chẳng sinh khởi làm vô-vi pháp”. Lại trong kinh nói: “Duy có hai pháp: hữu-vi và vô-vi”. Hữu-vi pháp có sinh diệt trụ dị; vô vi pháp không sinh diệt trụ dị. Lại trong kinh nói: “Có bao nhiêu pháp hoặc hữu-vi hoặc vô-vi diệt hết Nê-Hoàn, duy đây là cao thượng”. Lại nói: sắc là vô thường, diệt sắc nên Nê-Hoàn thường, cho đến thức cũng vậy. Lại trong kinh nói: “Diệt cần phải chứng”. Nếu không pháp chứng thứ gì? lại Phật nói ở trong Đa-tính kinh: “Kẻ trí như thật biết tính hữu vi và vô vi”. Tính vô-vi tức là Nê-Hoàn, dùng chân trí mà biết làm sao nói không? Lại trong các kinh không quyết định nói Nê-Hoàn là vô-pháp. Vậy nên biết ông tự nhớ tưởng phân-biệt bảo không Nê-Hoàn?

Đáp: Nếu lìa các âm lại pháp khác gọi Nê-Hoàn ấy, thời chẳng nên gọi các âm diệt hết cho là Nê-Hoàn. Lại nếu có Nê-Hoàn cần nói ra thế nó là thế nào? Lại Định duyên Nê-Hoàn gọi là vô-tướng, nếu pháp tướng vẫn còn ấy sao gọi vô-tướng được? Như trong kinh nói: “Hành-giả thấy sắc tướng dứt, cho đến thấy pháp tướng dứt”. Lại trong kinh chỗ chỗ đều nói: “Tất cả hành vô thường, tất cả pháp vô-ngã, tịch-diệt Nê-Hoàn”. Ngã trong ấy gọi là thể tính các pháp. Nếu chẳng thấy thể tính của các pháp mà gọi là thấy vô-ngã ấy, hoặc Nê-Hoàn thời pháp ấy không có thể-tính chẳng thể thấy được, vì pháp này chẳng diệt vậy. Như khi tùy có cái bình thời không pháp bình hoại; nếu khi bình hoại thời mới được nói bình hoại. Chặt cây thây cũng như vậy. Như vậy nếu các hành hãy còn bấy giờ chẳng gọi Nê-Hoàn, vì các hành diệt mới có tên Nê-Hoàn. Lại khổ diệt chẳng gọi còn có pháp riêng, như trong kinh nói: “Các Tỳ-kheo! nếu khổ này diệt khổ khác chẳng sinh, không còn nói nhau, chỗ ấy là đệ-nhất tịch-diệt yên-ổn”. Chỗ gọi bỏ lìa tất cả thân tâm lìa diệt hết hân tham-ái Nê-Hoàn. Trong ấy nói dứt khổ này khổ khác chẳng sinh, đâu còn có pháp gì gọi Nê-Hoàn ư? Lại cũng không riêng còn có tận-pháp? Chỉ ái đã sinh diệt, ái chưa sinh chẳng sinh, bây giờ gọi Tận, lại đâu còn có pháp gì nói gọi là Tận ư? Thật chẳng thể nói được! Lại nữa, có pháp dị-danh này là ngũ-âm pháp không có mà gọi là Nê-Hoàn; trong ấy không mà gọi là có, đây là không thể được, vì diệt hết nên nói là Nê-Hoàn. In như hết áo lại không pháp riêng, nếu chẳng như vậy lẽ cũng phải riêng có pháp hết áo thây. Người nói có diệt-trí ấy cũng không hại gì, như với việc chặt cây thây trí sinh cũng không riêng có pháp chặt. Lại do các hành nên trí sinh trong ấy nghĩa là tùy các hành không còn gọi là Nê-Hoàn, như tùy không có vật ấy biết vật ấy không có.

Hỏi: Nay không có Nê-Hoàn sao?

Đáp: Chẳng phải không Nê-Hoàn, chỉ không thật pháp. Nếu không có Nê-Hoàn thời thường ở trong sinh tử hẳn không mong ngày giải-thoát. Như bình bị vỡ cây bị chặt, chỉ chẳng phải thật có riêng. Nói các Đế khác thấy đều đã chung đáp. Tại vì sao? Vì có khổ diệt nên mới nói có các pháp bất-sinh bất-khởi bất-tác vô-vi thấy đều không hại gì. Vô-tránh-trí: Tùy dùng trí nào đó chẳng tranh cãi cùng kẻ khác gọi là vô-tránh. Có người nói chính là từ-tâm đó vậy. Vì từ-tâm nên chẳng nã hại chúng sinh. Lại có người nữa nói chính là hành vậy. Vì không hành chẳng cùng với vật mà tranh. Lại có người khác nữa nói chính là tâm vui Nê-Hoàn

vậy, vì tâm vui Nê-Hoàn nên không tranh cãi làm gì. Cũng còn có người nói nữa: Ở trong đệ-tứ-thiền. Lời này bất tất vậy. Vị A-La-Hán ấy dùng trí này tu tập nên không tranh cãi làm vì. Nguyện trí: Đối với trong các pháp trí không ngăn ngại gọi là nguyện trí.

Hỏi: Nếu nói như vậy duy Phật Thế-Tôn độc-đắc trí này?

Đáp: Chính như vậy. Duy Phật Thế-Tôn mới đầy đủ trí này. Còn người khác tùy sức sở cập mà được không ngăn ngại. Biên-tế-trí: Tùy kẻ hành-giả được trí tối thượng, nhờ tất cả thiên-định huân tu tăng trưởng; như đối với trong mạng sống lâu tăng tồn thầy được sức tự tại gọi là biên tế trí tức trí có chùng ngăn.

PHẠM LỤC-THÔNG-TRÍ THỨ 197

Có sáu thông trí. SÁU THÔNG: Thân-thông, Thiên-nhãn, Thiên-nhĩ, Tha-tâm-thông, Túc-mạng và Lưu-tận. Thân thông là thân hành-giả luôn ra nước lửa, bay bổng lên nắm bắt mặt trời trăng và ẩn hiện, bay đến cõi Phạm-tự-tại và các pháp biến hóa. Các hành nghiệp như vậy thầy gọi là thần thông.

Hỏi: Việc ấy làm sao thành công được?

Đáp: Hành-giả tham tu thiên-định nên được. Như trong kinh nói sức kẻ thiên-định bất-khả-tu-nghì. Có người nói biến hóa là tâm vô ký. Việc này chẳng phải lẽ. Vì nếu hành-giả ấy vì lợi tha mà hiện các món biến hóa thì làm sao gọi vô ký được? Có người nói dùng tâm cõi Dục làm biến hóa cõi Sắc, tâm cõi sắc làm biến hóa cõi Sắc. Lời ấy cũng chẳng phải lẽ. Mắt thấy lẽ cũng như vậy, có thể dùng thức cõi Dục thấy cõi Sắc ư? Như vậy thầy nêu tâm cõi Sắc làm biến hóa cõi Dục đâu có lỗi chi? Lại có người nói thần thông sơ thiên năng đi đến cõi phạm thế, cho đến thần thông tứ thiên năng đến cõi Sắc-cửu-cánh. Đây cũng chẳng phải lẽ. Tùy căn lực sở cập: nếu kẻ lợi căn dùng thần thông sơ thiên năng đến tứ-thiền; kẻ độn căn dùng thần thông nhị thiên chẳng năng dùng sơ thiên như Đại-Phạm-Vương đến thiên trung gian, trong ấy không thần thông, vì sức sơ thiên năng đến cõi phạm thiên, liền dùng sơ thiên chẳng năng biết phạm vương ở chỗ nào. Lại Phật dùng túc mạng nghĩ nhớ cõi vô-sắc, Như trong kinh nói: “Nếu có chỗ sinh đời trước trong cõi Sắc và vô-sắc Phật đều nhớ biết”. Vậy nên chẳng nhất định. Lại có người nói thiên nhãn là huệ tính. Việc này cũng chẳng phải. Thiên nhãn do ánh sáng, mà thành huệ chẳng phải như vậy.

Hỏi: Trong kinh nói tu tướng ánh sáng năng thành tri kiến. Tri kiến tức là thiên-nhãn?

Đáp: Chẳng phải. Cũng nói thiên nhĩ của dùng huệ-tính, gọi đó là nhĩ, nên chẳng phải huệ vậy. Lại thiên nhãn duyên sắc hiện tại, ý-thức chẳng vậy. Lại trong lời giải thiên nhãn nói biết nghiệp báo chúng sinh. Nhãn thức không có sức này, chỉ trong ý thức khi biết dùng nhãn thức mà sinh vậy, như do thiên-định sinh sắc gọi là thiên nhãn.

Hỏi: Hình chổ thiên nhãn lớn nhỏ?

Đáp: Chùng bằng tròn mắt.

Hỏi: Người mù thế nào?

Đáp: Cũng bằng chổ mắt.

Hỏi: Thiên nhãn là một hay hai?

Đáp: Là hai.

Hỏi: Tùy ngó hướng nào thấy hướng ấy sao?

Đáp: Thấy khắp các hướng.

Hỏi: Hóa nhân cũng có sao?

Đáp: Không có. Kẻ tạo hóa có Luận thiên-nhĩ cũng như vậy.

Hành-giả nêu biết tâm kẻ khác gọi là tha-tâm-trí.

Hỏi: Tại sao chẳng nói biết tâm-số kẻ khác?

Đáp: Vì nhân-duyên này nên không có tâm-số riêng là biết thọ tướng thầy của kẻ khác cũng gọi là tha-tâm-trí. Lại có người nói: trí này đồng tính duyên, như dùng hữu-lậu, vô-lậu biết vô-lậu. Việc này chẳng phải lẽ. Người này chẳng nói nhân-duyên quyết định, vì nhân-duyên ấy biết đồng-tính-duyên. Có người nói chỉ duyên hiện-tại. Đây cũng chẳng phải. Hoặc duyên vị-lai như người vào Định vô-giác, biết từ Định này khởi, sẽ giác biết những việc như thế như thế. Có người nói trí này chẳng biết kiến-đế-đạo. Lời này cũng chẳng phải. Nếu biết có lỗi gì? Cổ thuyết nói: “Bích-Chi-Phật muốn biết kiến-đế-đạo trong tâm thứ ba, tức thấy tâm thứ bảy; Thanh Văn muốn biết tâm thứ ba, thức thấy tâm thứ mười sáu”. Đây chẳng gọi là kiến-đế-đạo ư? Lại có người nói trí này chẳng biết thượng-căn của người trên ở bậc trên. Đây cũng chẳng nhất định. Chư thiên cũng biết tâm Đức Phật, như có một hôm Phật rất muốn đuổi Chúng-Tăng, rồi lại nghĩ cho lại, Phạm-Vương đều biết. Lại có một khi tâm nghĩ muốn làm vua để dùng chính-pháp mà trị hóa cõi đời. Ma-vương liền biết đến mà khuyên mời. Lại Chư-Thiên cũng biết vị này A-La-Hán, cho đến vị này đang tu Tu-Đà-Hoàn. Lại các Tỳ-kheo cũng biết tâm Phật như khi sắp vào Nê-Hoàn thì A-Na-Luật thứ lớp biết Phật đã

vào các thiên-định. Lại có người nói trí này chẳng biết cõi Vô-sắc. Đây cũng chẳng phải lẽ. Phật dùng túc-mạng năng biết vô-sắc; tha-tâm-trí cũng như thế, biết có lỗi gì?

Hỏi: Làm sao biết tâm kẻ khác?

Đáp: Biết trong cảnh duyên. Như tâm đi trong Sắc gọi là tâm-duyên-sắc. Như thế thầy.

Hỏi: Nếu vậy thời tha-tâm-trí duyên tất cả pháp?

Đáp: Chính như vậy. Nếu chẳng biết duyên làm sao biết tâm. Như trong kinh nói: “Ta biết tâm người như vậy”. Tức là duyên sắc thấy. Biết tha tâm có ba thứ: một tướng biết; hai báo được; ba tu được. Tướng biết: như dùng chú ương-già thầy nên biết. Báo được: như Quỷ Thần thấy. Tu được: sức tu thiên-định được tha-tâm-trí. Trong sáu pháp thông này tu được hoặc nhờ các âm-thân trong đời quá-khứ gọi là túc-mạng-trí.

Hỏi: Nhớ âm của ai?

Đáp: Nhớ âm của mình, người và phi chúng sinh. Tuy chẳng năng nhớ âm kẻ hờn mình mà năng giới thầy các pháp của kẻ hơn mình. Tại sao biết được? Như Xá-Lợi-Phất đáp Thế-Tôn rằng tôi chẳng năng biết tâm Phật quá-khứ vị-lai mà năng biết các pháp. Lại trời tịnh cư biết tâm Phật nên đến thưa Phật rằng: Như vậy Thế-Tôn! Các Đức Phật quá-khứ uy-nghi cũng như vậy”.

Hỏi: Trong giải nghĩa túc mạng, tại sao nói cộng tướng cộng tính?

Đáp: Nghĩ nhớ rõ ràng nên nói tướng danh tự như vậy, như tên người thầy. Lại vì biết việc nên gọi là tướng, họ, danh, dòng tộc, như nói đây là nhà của người, đây gọi là dòng họ người. Tướng tính hiệp nói, nên biết thầy rõ ràng.

Hỏi: Tại vì sao nhớ rõ ràng?

Đáp: Pháp quá-khứ diệt hết tướng mà năng biết được, đây mới là lạ lùng. Có người dùng tướng nghĩ lường mà biết, chẳng được rõ ràng, rồi bảo đệ-tử Phật cũng như vậy. Vậy nên tính tướng hiệp lại mà nói. Có người dùng túc mạng trí; hoặc dùng hữu-đạo tư-huệ mà biết đời quá-khứ, như hành duyên thức; trong hai món này tư-huệ là hơn. Tại vì sao? Vì người này tuy biết tám muôn đại kiếp, mà không có tư-huệ này nên sinh tà-kiến cho rằng: từ trước đến nay gọi là sinh tử, quá đây lại không có gì cả. Nếu có đạo tư-huệ trọn không có tà tâm này. Có người nói trí này thứ lớp nghĩ nhớ quá-khứ. Việc này chẳng phải lẽ. Nếu như niệm niệm thứ lớp nhớ việc trong một kiếp hãy còn khó biết hết hưởng là vô lượng kiếp.

Hỏi: Tại sao trong kinh lại nói: “Ta từ ở trong chín mươi một kiếp đến nay chưa hề thấy bố thí tón kém mà không quả-báo?”.

Đáp: Phật ở trong ấy lấy bảy Đức Phật làm chứng; lại cũng có sống lâu trong cõi tịnh cư cùng với các Đức Phật kia đồng thấy. Lại vì Phật được chân trí nên công đức thanh-tịnh, nếu người cũng dường được phước hai đời thời ngang với thuyết này. Có người nói trí này chẳng biết thượng địa. Việc này chẳng phải lẽ. Trong thân thông thầy ở trên đã đáp.

Hỏi: Nếu đây là tính nhớ tại sao gọi trí?

Đáp: Nhớ tùy tướng sinh; quá-khứ không tướng mà năng nghĩ nhớ. Nên phải biết thắng-huệ gọi đó là nhớ. Nhớ túc-mạng có ba thứ một dùng túc mạng-trí; hai báo được; ba sinh ra bèn tự nhớ. Túc-mạng-trí: gọi tu được. Báo được: như Quỷ Thần thấy. Sinh ra tự nhớ: là trong nhân đạo.

Hỏi: Do những nghiệp gì nên sinh ra bèn tự nhớ?

Đáp: Nhờ nghiệp chẳng nãi hại chúng sinh nên mới được. Tại vì sao? Vì những khi chết khi sinh khổ rất ép ngặt nên quên mất nghĩ nhớ; trong khi ấy khó mà được chẳng quên mất, nên phải nhờ nghiệp lành. Lại có người quá-khứ cùng tột là bảy đời. Việc này chẳng nhất định. Có người đời thâm tu pháp chẳng hại, nên năng được nghĩ nhớ lâu xa.

Chứng lậu-tận trí-thông: Chính là kim-cương tam-muội vậy. Kim-cương tam-muội là lậu-tận; vô-ngoại đạo tận-trí là vô học-trí. Dùng kim-cương tam-muội mới diệt hết các lậu nên gọi chứng lậu-tận trí-thông.

Hỏi: Các thần-thông khác cũng nên nói nhờ pháp nào mà chứng được?

Đáp: Trước đã nói thâm tu thiên-định chứng thần-túc-thông. Lại tùy sở dụng chứng và việc sở chứng đều gọi thần-thông. Có người nói tất cả Thánh Đạo đều là phương-tiện hết lậu. Như trong kinh nói: “Nếu Phật ra đời nếu có người lành, nghe pháp xuất-gia, phụng-trì cấm giới, bỏ năm món ngăn che, tu Định thấy Đê...” Những điều ấy đều là phương tiện để hết lậu. Lại có người nói bố thí thầy các pháp lành cũng gọi là nhân-duyên hết lậu, như trong kinh nói: “Hành-giả bố-thí để giúp thành hết lậu, không, vô-ngã-trí”. Đây là thật chứng lậu-tận trí-thông. Pháp này có tên riêng là kim-cương tam-muội. Năng phá các tướng nên gọi kim-cương. Các người ngoại đạo chỉ được gọi ngũ-thông, vì đều chẳng được chân-trí này vậy.

Hỏi: Lấy vô-ngã-trí mới phá ngã-kiến, tại sao lấy trí này dứt tham nhuế thầy?

Đáp: Vô-ngã-trí năng diệt các tướng, vì không còn tướng nên các phiền não diệt.

Hỏi: Vì ban đầu lấy vô-ngã-trí năng phá các tướng, còn trí thứ hai thả lại dùng để làm gì?

Đáp: Các tướng tuy diệt mà sinh lại nên phải dùng trí thứ hai thả.

Hỏi: Nếu tướng diệt rồi mà sinh lại là không ngăn. Vậy thời không có đạo A-La-Hán?

Đáp: Có ngăn. Như nay hiện thấy sữa diệt lại có sinh; có có khi sữa diệt bơ sinh. Như vậy là ngăn, tướng cũng như vậy. Như đốt sắt tướng đen diệt rồi sinh lại, đến tướng đỏ sinh, bấy giờ là ngăn. Các vị dụ dọt sữa trong thỏi tạc thả cũng như vậy. Tùy đến khi nào các tướng diệt hết không còn tướng sinh bấy giờ gọi là được đạo A-La-Hán.

Hỏi: A-La-Hán đều không có các tướng sao?

Đáp: Nếu còn ở trong tâm bất định, bấy giờ cũng có sắc thả các tướng, nhưng chẳng sinh lỗi, như người thấy sắc, vì tà-tâm, tà phân biệt, khi ấy tướng năng sinh lỗi.

Hỏi: Không-vô-ngã-trí là thứ nào?

Đáp: Nếu hành-giả đối trong ngũ-âm chẳng thấy giả-danh chúng sinh, dùng pháp không nên thấy sắc-thể diệt cho đến thức diệt. Đây gọi là không-vô-ngã-trí.

Hỏi: Giả sử các pháp thường còn; ái thả các phiền não cũng có thể trừ hết, như nói muôn vật thường tồn tại, mà kẻ tinh tiến năng trừ tham ái. Thì cần gì phải diệt tướng?

Đáp: Trong kinh nói: “Có bao sinh tướng, biết điều diệt tướng, với trong các pháp, được pháp nhãn tịnh”. Như có diệt đoạn là rút ráo đoạn; có hành-giả lìa các sắc dục, ngăn dứt tham nhuế; nên Phật nói vì đây mà nói kệ như vậy. Lại nói các hành tính rộng không như huyền, kẻ phạm phu vô trí cho đó là thật có; kẻ học nhân rõ biết luống dối như huyền. Nên biết tùy dùng huệ nào đó mà chứng các pháp diệt. Đây gọi là chứng lậu-tận trí-thông.

PHẨM NHÂN-TRÍ THỨ 198

Hỏi: Trong kinh nói: “Nếu hành-giả có bảy phương tiện, ba món quán nghĩa, đối với trong pháp ấy, chóng được hết lậu”. Là trí nào ư?

Đáp: Bảy phương tiện là huệ nghe huệ nghĩ. Tại vì sao? Vì kẻ tâm chưa định khởi quán như vậy: Đây là sắc, sắc nhóm, sắc diệt, và Đạo diệt sắc, sắc đấm vị, tội lỗi xuất ly.

Hỏi: Nếu là huệ nghe nghĩ ấy, có sao nói chóng được hết lậu.

Đáp: Tuy là hệ nghe nghĩ như vậy phân biệt ngũ-âm, năng phá được ngã-tâm, nên mới nói chóng được hết lậu. Ba món quán-trí: Nghĩa là quán hữu-vi vô thường, khổ, vô-ngã. Nếu dùng môn âm-giới-nhập mà quán pháp hữu-vi thời không nghĩa lợi.

Hỏi: Nếu như vậy, trong lầm lỗi trước đã nói vô thường khổ; trong xuất ly đã nói vô-ngã, thì tại sao còn nói ba món quán này chi?

Đáp: Học tập ba món quán, trước tiên là huệ nghe nghĩ, nhiên hậu huệ tu. Trước với trong huệ nghe nghĩ nói bảy món, sau trong huệ tu nói ba món. Tại vì sao? Nếu vô thường, khổ hoại tướng là hoại vô thường, chứ chẳng phải hành vô thường. Tuy nói trừ dục nhiễm mà chẳng nói trừ bằng cách nào, sau mới nói nghĩa ba món quán.

Hỏi: Sao gọi tám nhãn?

Đáp: Nếu có trí năng phá giả-danh, đây gọi là nhãn. Nhãn này ở trong pháp: Noãn, Đánh, Nhãn và Thế-Đệ-Nhất.

Hỏi: Hành-giả cũng nhãn trong Phật-Pháp-Tăng và giới thả tại sao chỉ nói tám ư?

Đáp: Vì thắng hơn nên nói. Thắng gọi là cận-đạo. Huệ là trí nên gọi Nhãn. Như là khổ-pháp-trí gọi khổ-pháp-nhãn. Đại khái như vậy thả. Tại vì sao? Vì trước dụng huệ nghĩ thuận Đạo, sau mới được hiện-trí, như người chăn voi trước xem dấu chân voi, dùng trí so sánh biết nó ở trong ấy, rồi sau mới hiện thấy. Hành-giả cũng như vậy, trước dùng nhãn-trí so sánh nghĩ lường Nê-Hoàn, nhiên hậu lấy trí hiện thấy. Cho nên kinh nói kẻ trí-giả là kẻ kiến giả năng được hết lậu.

PHẨM CHÍNH-TRÍ THỨ 199

Hỏi: Có ông Luận-sư nói? A-La-Hán khi chứng tận-trí được chín món trí của thế-tục là: buộc cỡi Dục, thiện, vô-ký cho đến thiện, vô-ký cỡi Phi-tướng phi phi-tướng-xứ. Việc ấy thế nào?

Đáp: Chẳng phải tất cả A-La-Hán đều được các thiên-định, làm sao mà được hết chín trí.

Hỏi: Tất cả A-La-Hán đều được hết thiên-định chứ? Nhưng chẳng phải tất cả đều năng hiện vào?

Đáp: Nếu chẳng năng hiện làm sao gọi được? như người nói tôi biết kinh thư. Mà chẳng biết một chữ, việc này cũng vậy.

Hỏi: Nếu người ly-dục mà chưa năng hiện sơ-thiền; người ấy mạng chung chẳng sinh về kia sao?

Đáp: Trong kinh nói: “Trước ở đây vào, sau mới sinh kia”. Nay ở đây chẳng vào làm sao mà sinh về kia được?

Hỏi: Như khi ly-dục các thiên quá-khứ vị-lai đều đã được; mới được nhờ báo đày mà sinh?

Đáp: Nghiệp vị-lai không-tác không khởi nên chẳng có quả-báo được; các thiên quá-khứ đã từng sinh nơi tâm, nếu cùng với quả-báo thời không hại gì. Lại chẳng lẽ được các nghiệp vị-lai, nếu có thể được ấy, tất cả vị-lai lẽ đều phải được chứ vì ai ngăn mà cái chẳng được?

Hỏi: Nếu pháp vị-lai chẳng thể được ấy. Thời kẻ học-nhân chẳng nên thành-tựu tám phần, vô-học chẳng nên thành-tựu mười phần. Tại vì sao? Vì nếu nương đệ-nhi-thiền thấy vào chánh-pháp-vị, thời người này vị-lai mới được chính-tu-duy. Lại nếu hành-giả tận-trí hiện-tiền bấy giờ vị-lai được thế-chính-kiến. Lại có người nương Định vô-sắc được quả A-La-Hán. Người này vị-lai được chính-tu-duy, chính ngữ, chính nghiệp và chính mạng. Lại nếu người nương đệ-tam-thiền thấy được Thánh-đạo được mừng vị-lai. Những pháp như vậy thấy thời lẽ đều không. Nên biết có pháp vị-lai. Lại nếu không kẻ tu vị-lai (làm) sao mà được quả các thiên-định thấy? Hành-giả nếu ở trong đạo trí so sánh đều được quả nhiếp về các trí các Định nếu chẳng như vậy lẽ ra các quả ấy thường được. Việc này chẳng thể được. Nên biết phải có kẻ tu trong vị-lai?

Đáp: Người nói không các phần ấy. Đầy không hại gì. Tại vì sao? Vì tôi nói giới thấy các phần do thứ lớp mà được, đâu phải đồng thời được. Nên chẳng nạn vấn được vậy. Người nói các được chung loại ấy. Hành-giả khi được khổ trí, các loại trí khác đều gọi là được, như được nhân chung nên gọi là được nhân tướng; cũng chẳng gọi ở trong từng niệm lần lửa được nhân tướng. Việc này cũng như vậy.

Hỏi: Hành-giả có bao nhiêu khổ thấy các trí thứ lớp được ấy, đều đã rời bỏ, lại đồng thời được quả Tu-Đà-Hoàn nhiếp được cái trí?

Đáp: Được các trí vô-lậu thời chẳng mất.

Hỏi: Nếu trước được chẳng mất thời “được hành” không riêng khác. Tại vì sao? Vì kẻ được quả tức là hành-giả. Có những lỗi này?

Đáp: Nếu không riêng khác đâu có lỗi gì? Như kẻ thành-tựu cũng gọi hành-giả. Đầy cũng như vậy. Lại người này còn được thắng pháp nên có sai biệt, vậy nên không lỗi. Như kẻ thọ ngũ giới lại được luật nghi xuất gia cũng chẳng mất bốn-giới. Lại kẻ đắc quả chẳng vì thấy Đạo nên có sai khác, như người tuy biết việc trước lại vì việc hơn trước nên có sai khác. Việc này cũng vậy, nên biết không có được vị-lai. Lại hành-giả an-trụ trí không vô-ngã, bấy giờ làm sao được pháp thế-gian? Nên biết khi được tận-trí chẳng được thế trí?

Hỏi: Các thế trí này cộng chung tận trí, được cùng với A-La-Hán mà tác tâm xuất nhập Định?

Đáp: Tâm A-La-Hán nối nhau mà sinh niệm niệm đều thanh-tịnh. Nếu lại được chín trí. Lại nói kẻ tu vị-lai đều không nhân duyên. Tại vì sao? Vì trong các thuyết thấy đế-đạo này chỉ tu tương tự và bất tương tự. Trong thấy đạo chẳng tu thượng địa; Trong tu-duy đạo thì tu. Trong tỉ trí đạo chẳng tu thiện thế tục; Trong các trí khác thì tu. Trong vô-ngại đạo chẳng tu tha tâm trí. Khi mà tạm thời giải-thoát chuyển thành thấy ngược là tất cả trong vô-ngại giải-thoát đạo chẳng tu thế-tục-đạo. Khi mà tạm thời giải-thoát là trong chín vô ngại và tám giải-thoát đạo chẳng tu thế tục đạo; mà trong giải-thoát đạo thứ chín tu: Trong vi tế tâm chẳng tu tất cả vô lậu. Như vậy thấy đều không lý do. Vậy nên người nay hoặc nói chính nhân, hoặc nên tín thọ, hoặc lấy học tập là tu, khi còn ở trong Noãn pháp thấy, các thiện căn bực thượng tất cả đều tu, vì thấy đều tăng ích vậy. Như tụng tập kinh sách thời đều sáng sửa. Vậy nên khi còn ở trong Noãn pháp thấy, cho đến tận trí đều tu. Nếu chẳng phải như vậy thời phải nói chính nhân?

PHẨM MƯỜI TRÍ THỨ 200

Mười trí: Pháp trí, tỉ-thí, tha-tâm-trí, danh-tự-trí, tứ-đệ-tứ-trí, tận-trí và vô-sinh-trí. Biết pháp hiện tại gọi là pháp trí. Như trong kinh nói: “Phật bảo A-Nan rằng người đối với pháp này thấy biết như vậy thông-đạt như vậy; quá-khứ vị-lai cũng biết như vậy”. Lẽ ra phải nói hiện-tại pháp-trí. Nay chẳng nói hiện-tại chỉ nói pháp-trí. Như trong kinh nói: “Kẻ ngu quý pháp hiện-tại, mà người trí quý vị-lai”. Lại nói các dục hiện tại, các dục vị-lai đều là lưới mà bị ma trời buộc. trong những như vậy thấy đều nên nói lời “hiện” vì lược bớt lời hiện nên chỉ nói pháp-trí. Biết pháp còn thừa tàn gọi là tỉ-trí. Còn thừa là các pháp quá-khứ vị-lai. Kế pháp hiện tại sau mới biết nên gọi tỉ-trí. Tại vì sao? Vì trước hiện biết rồi nhiên hậu mới so sánh biết. Pháp-trí gọi hiện-trí. Tùy theo pháp-trí này mà nghĩ lường so sánh biết gọi là tỉ-trí.

Hỏi: Tỉ-trí này là vô-lậu-trí; vô-lậu-trí làm sao gọi tỉ-trí được?

Đáp: Thế-gian cũng có tỉ-trí. Tại vì sao? Vì pháp-trí, tỉ-trí, tha-tâm-trí, khổ-trí, diệt-trí và đạo-trí đều có hữu lậu, vô-lậu. Các trí này ở trong pháp Noãn thấy là hữu-lậu mà vào trong pháp-vị mới được gọi vô-lậu.

Hỏi: Có người nói biết các hành cõi Dục: các hành tập, các hành diệt, các hành diệt đạo gọi là pháp-trí; biết các hành hai cõi sắc, vô-sắc bốn món gọi là tỉ-trí. Việc ấy thế nào?

Đáp: Trong kinh nói Phật bảo A-Nan rằng trong đời quá-khứ vị-lai cũng biết như vậy chứ không có kinh nói biết các hành trong hai cõi Sắc, và vô-sắc gọi là tỉ trí. Lại trong kinh nói: “Hành-giả nên nghĩ: ta nay đang bị hiện sắc lần ăn quá khứ cũng đã từng bị sắc lần ăn; trong vị-lai cũng sẽ bị nói lần ăn nữa!” Lại trong kinh nói: “Sinh duyên gì chết trong hai đời khứ-lai cũng lại như vậy”. Như Mã-Minh Bồ-Tát nói kệ: Như hiện tại lửa nóng, khứ lai lửa cũng nóng; hiện tại ngũ-âm khổ; khứ lai âm cũng khổ. Khổ như thế thấy các vị Đại-Luận-Sư cũng đều nói như thế. Lại biết pháp đời quá-khứ vị-lai gọi là tỉ trí, cũng có đạo lý. Tại vì sao? Vì hành-giả đối với trong khổ ba đời đều nhằm lia; nhằm lia là với trong pháp ấy sinh chân-trí-huệ. Như hành khổ hiện tại, thì các hành khứ lai cũng khổ như vậy. Nay lấy trí nào biết pháp quá-khứ vị-lai? Nếu là pháp trí các hành cõi Sắc, vô-sắc cũng có khứ lai, với trong ấy biết cũng nên gọi pháp trí. Vậy thời duy là pháp trí không có tỉ trí vậy. Nếu hành trong khứ lai cõi Sắc Vô-sắc riêng có trí ấy, hành khứ lai trong cõi Dục lẽ cũng phải riêng có trí ấy, hành khứ lai trong cõi Dục lẽ cũng phải riêng có trí? Vì những nghĩa này nên các Luận-Sư nói: “Có được chưa được nên thứ lớp thấy Đê”. Khổ cõi Dục gọi được; khổ cõi Sắc và Vô-sắc gọi chưa được. Vậy nên chẳng thể đồng thời đều biết hết. Như khổ chưa được, dùng tỉ trí mà biết. Nay trong cõi Dục chỗ chưa được khổ, tức khổ để cũng nên dùng tỉ trí mà biết.

Hỏi: Lấy trí nào để mà dứt kiết đạo?

Đáp: Chỉ nên dùng pháp trí, Tỉ trí ở trong phương-tiện-đạo.

Hỏi: Sao lại dùng pháp trí?

Đáp: Dùng khổ pháp trí diệt pháp trí. Tại vì sao? Vì hành-giả khi quán vô thường, khổ thấy không, vô-ngã, bấy giờ chúng các hành diệt. Các trí khác đều là phương tiện.

Hỏi: Quán khổ nào diệt?

Đáp: Quán các thọ khổ. Trong ấy năng sinh ngã tâm; Vậy nên cũng ở trong ấy thấy diệt. Như nói nội giải-thoát nên các ái diệt hết, tự nói được A-La-Hán.

Hỏi: Trong kinh chẳng nói tất cả hành đoạn gọi đoạn tính ư?

Đáp: Hành-giả này vì chúng nội diệt, nên nhằm lia tất cả, lại hành-giả quyết cần phải chúng nội diệt kỳ dư bất tất nhất định.

Hỏi: Với trong các Đế trí làm sao sinh?

Đáp: Biết sinh khổ thấy sinh.

Hỏi: Đây chẳng phải Định tâm làm sao sinh trí được?

Đáp: Có phép quán như vậy. Cũng có ám vô thường các lỗi sinh khổ vô-ngã-tướng. Như trong kinh nói: “Nếu pháp vô thường tức là vô-ngã”. Tại vì sao? Vì mắt thấy các căn có sinh có diệt; nếu ấy là ngã, ngã tức sinh diệt, nên biết chẳng phải ngã. Khi mà mắt thấy sinh không từ đâu đến, vì có sở tác mới gọi là ngã, mà trong kinh nói không có tác-giả. Nên biết, nếu pháp vô thường tức là vô-ngã. Như vậy hành-giả khéo tu vô thường và vô-ngã, nên thân tâm được tịch-diệt, có sinh bao nhiêu hành đều giác biết não hại thời mới sinh khổ-tướng, như trâu không da đụng chút biết đau, Hành-giả cũng vậy, nhờ vô-ngã-tướng nên thành thượng-khổ-tướng. Kẻ ngu vì ngã-tướng nên dù có bị đại-khổ vẫn chẳng giác biết nó là não hại. Đây gọi là khổ trí. Thấy các hành sinh gọi là tập-trí. Thấy các hành diệt gọi là diệt trí. Niệm Đạo thủy chung gọi là đạo-trí:

Hỏi: Tận-trí là thế nào?

Đáp: Hết tất cả tướng nên gọi là tận-trí. Tại vì sao? Vì kẻ học-nhân tướng dứt rồi sinh lại; đây dứt rốt-ráo nên gọi tận-trí. Như trong kinh nói nếu biết vọng-tướng chỉ là vọng tướng thời các khổ hết. Tâm trí học-nhân lấy vọng tướng làm ngã; dứt hẳn tâm ấy gọi là tận trí.

Như trong kinh nói: “A-La-Hán ở trước Đức Phật tự nhờ lời Thế-Tôn nói gút tôi không còn nữa. Tôi đối gút ấy chẳng còn sinh nghi. Tôi thường nhất tâm nhiếp chánh niệm chính-hành, tham thấy bất-thiện chẳng lọt vào tâm”. Trong ấy lấy tướng nên sinh các gút; các tướng dứt nên các gút dứt. Học nhân hành nơi tướng và vô tướng, nên ngã tâm thỉnh thoảng phát khởi; như thấy cây trụ nghi cho là người, nên chỉ A-La-Hán độc-đắc vô-nghi, vì tâm thường hành trong ngũ-âm chẳng thấy thần ngã: sau do pháp-không nên chẳng thấy sắc-tính cho đến thức-tính. Nên biết tất cả tướng gọi là tận trí. Biết các tướng chẳng sinh gọi vô-sinh-trí. Kẻ học-nhân dứt tướng hết rồi sinh lại. Kẻ vô-học tướng hết rồi chẳng sinh nữa. Nếu năng khiến các tướng diệt hết chẳng còn sinh lại. Bấy giờ gọi vô-sinh-trí.

Hỏi: Học-nhân cũng biết có tận-trí vô-sinh-trí, như nghĩ: Tôi hết ba gút chẳng còn sinh lại. Có sao chẳng nói mười phần thành tựu?

Đáp: Học nhân chẳng dứt tất cả tướng, nên chẳng nói có tận trí vô-sinh-trí, như người khắp mình bị trói quán, tuy được mở một chỗ như chẳng gọi được thoát. Cũng có nghĩa này: Xá-Lợi-Phất nói họ Cấp-Cô-Độc mười phần thành tựu. Lại A-La-Hán được sức tự tại nên tự biết gút hết chẳng còn sinh lại. Học nhân

chẳng được như vậy. Lại A-La-Hán khi được vô-học-đạo năng tự biết hết tất cả sinh, gọi là tận trí. Kẻ thành-tựu phạm-hạnh là xả các học hành. Kẻ việc làm đã làm xong là các việc đáng làm đều đã làm xong; biết thân từ đây không còn nối nhau luôn nữa. Nên biết duy A-La-Hán đối với tất cả việc sở-tác phải được tự-tại thành-tựu tận-trí và vô-sinh-trí chứ chẳng phải các kẻ học nhân, vì như người bị bệnh sốt tuy chẳng thường phát khởi nhưng chẳng gọi là người lành mạnh. Như trong kinh nói: “Lìa mừng tất cả chỗ; diệt lo tất cả chỗ; chúng diệt tất cả pháp; thường tu tâm vô-lậu”. Tha-tâm-trí như trong lục thông nói: ngũ-ấm hòa hợp giã-danh chúng sinh. Các tên trí trong đây gọi là danh-tự-trí, vô-lậu trí, chân-thật-trí. Tương-tợ vô-lậu này được gọi là trí, nên gọi danh-tự-trí.

Hỏi: Có người nói tất cả chúng sinh thành-tựu các trí. Việc ấy thế nào?

Đáp: Nếu đệ-tử Phật năng biết các pháp do nhiều duyên sinh, người ấy năng được, chứ đâu phải chúng sinh khác. Nhờ được tên trí nên tất cả chúng sinh chỉ dùng tưởng mà biết, nếu được trí này gọi là nội phạm phu.

PHẨM BỐN MƯƠI BỐN TRÍ THỨ 201

Hỏi: Trong kinh nói bốn mươi bốn trí là: Lão-tử-trí, lão, tử tập-trí, lão tử diệt-trí, lão tử diệt đạo trí; sinh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục-nhập, danh sắc, thức, hành cũng như vậy. Vì sao nói như thế?

Đáp: Nê-Hoàn là chân-pháp báu quý, nên dùng nhiều cửa để vào: Có dùng cửa ngũ-ấm mà vào; hoặc quán giới, nhập, nhân-duyên và các Đế. Những các cửa như vậy đều đến Nê-Hoàn được. Tại sao biết được? Như trong kinh nói: “Vua ở trong thành, có hai sứ-giả đến do mỗi người vào mỗi cửa. Đến rồi yết-kiến nhà Vua và tâu bày sự thật; tâu xong lui đi kẻ vào các cửa khác cũng vậy”. Trong ấy vua dụ cho hành-giả; các cửa là quán âm giới nhập thấy; hai sứ-giả là như pháp CHỈ và QUÁN; kẻ tâu bày sự thật là thông đạt chân không. Các sứ giả này tuy từ các cửa vào nhưng đều đến một chỗ. Như vậy tuy quán âm giới nhập thấy các môn phương tiện nhưng đều vào Nê-Hoàn. Như La-Hầu-La nói: Khi ở riêng chỗ vắng suy nghĩ pháp, biết pháp như vậy đều tùy thuận quay về và ngợi khen Nê-Hoàn. Lại Phật nói trong tám pháp rằng: Pháp này năng tắt lửa phiền não nên gọi là diệt; năng khiến hành-giả tâm được yên ổn, nên gọi là yên ổn; năng khiến hành-giả đến chánh biến tri nên gọi là đến. Những nghĩa như vậy đều khen Nê-Hoàn. Lại phạm hạnh là tám chính đạo. Trong tám chính đạo chính trí là cao hơn; mà quả của chính trí là Nê-Hoàn. Lại Phật nói ra giáo pháp đều vì Nê-Hoàn. Nên biết các cửa ngũ-ấm thấy đều đến Nê-Hoàn.

Hỏi: Có Luận-sư nói lão-tử trí là khổ trí. Việc ấy thế nào?

Đáp: Chẳng phải vậy. Tại vì sao? Vì trong ấy chẳng nói khổ hành, nên chẳng phải khổ trí.

Hỏi: Vậy thì đây là trí nào?

Đáp: Đây gọi là lão tử tính trí.

Hỏi: Cũng nói biết lão tử tập, lão tử diệt, lão tử diệt đạo. Nên biết là khổ trí?

Đáp: Đây là nhân-duyên nên chẳng phải chân đế môn. Vậy nên trong ấy chẳng nên nói khổ hành, mà nên nói Tập thấy vì thuận với nhau vậy.

Hỏi: Trong ấy vì sao chẳng nói các trí vị, quá, xuất thấy?

Đáp: Nghĩa ấy đều thu nhiếp chỉ kẻ kiết tập kinh lược bớt nên chẳng nói.

PHẨM BẢY MƯƠI BẢY TRÍ THỨ 202

Hỏi: Trong kinh nói “bảy mươi bảy trí là sinh duyên lão tử, chẳng rời sinh mà có lão tử; Trong hai đời quá-khứ vị-lai cũng như vậy”. Đây là pháp trụ-trí quán vô thường hữu-vi tác-khởi do nhiều duyên sinh; tận-tướng, hoại-tướng, ly-tướng, diệt-tướng cũng quán như thế. Cho đến vô-minh duyên hành cũng như vậy. Vì sao trong ấy chẳng nói lão-tử-tính và diệt đạo thấy?

Đáp: Vì kẻ lợi trí nên nói như vậy. Chỉ mở cửa là có thể biết, pháp khác cũng như vậy. Lại ngoại đạo phần nhiều với trong pháp nhân-duyên nói làm rằng muôn vật thế-gian nhân thể-tính thấy, nên Phật đối với đây chỉ nói nhân-duyên.

Hỏi: Đã nói sinh duyên lão tử, tại sao lại nói “chẳng rời”?

Đáp: Là nói quyết định, vì trong các pháp có nhân bất định; như bố-thí là nhân phước giàu, mà trì giới cũng được phước, như nói trì-giới được sinh lên trời. Hoặc có kẻ sinh nghĩ lão tử nhân-duyên sinh hoặc chẳng nhân-duyên sinh nên phải nói quyết định.

Hỏi: Tại sao trong đời khứ lai lại phải nói quyết định?

Đáp: Hiện tại với quá-khứ có tướng khác nghĩa là chúng-sinh đời quá-khứ thọ mạng vô-lượng thể-lực đồng các Chư-thiên. Có những đều như vậy, sợ e người nghĩ rằng thọ-mạng thấy khác với lão-tử, nên nhân-duyên cũng phải khác, nên phải nói quyết định. Vị-lai cũng vậy. Sáu món này gọi là pháp-trụ-trí, kỳ dư gọi Nê-Hoàn- trí. Năng khiến lão-tử nối nhau luôn, nên gọi vô thường hữu-vi tác-khởi, do nhiều duyên sinh. Tận-tướng, hoại-tướng tức là vô-thường hành; ly-tướng tức là khổ-hành; diệt tướng tức là không vô-ngã

hành. Tại vì sao? Vì trong ấy sắc-tính diệt thọ-tướng-hành-thức-tính diệt tức là nghĩa ba món quán. Như trong kinh nói: “Tỳ-kheo có bảy chỗ phương tiện, ba quán nghĩa, chóng được hết lậu”. Đấy đều là Nê-Hoàn trí. Như vậy thầy nhân-duyên trí có trăm ngàn vô-lượng nghĩa là nhân-trí thầy, như trong kinh nói: “Mắt duyên nghiệp; nghiệp duyên ái; ái duyên vô-minh; vô-minh duyên tà niệm; tà niệm duyên nhãn sắc, các lậu duyên tà niệm các ăn duyên ái, ngũ-dục duyên ăn đoạn-thực thầy; địa ngục đoản-mạng duyên sát-sinh thầy”. Nếu trước khổ nay khổ đều duyên vọng-tướng; vọng tướng duyên thân tâm tăng ái; tăng-ái duyên tham dục; tham dục duyên tà-tư-duy. Cứ như vậy thầy các nhân-duyên trí vô-lượng vô-biên, tự nên phải biết.

Thành Thật luận hết quyển 16